

RÚT GỌN CÂU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được cách rút gọn câu.
- Hiểu được tác dụng của câu rút gọn.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Rút gọn câu là một trong những thao tác biến đổi câu thường gặp trong nói hoặc viết, nhằm làm cho câu gọn hơn (các thao tác biến đổi câu khác được

giới thiệu trong chương trình là : mở rộng câu, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động).

2. Việc lược bỏ các thành phần trong câu để rút gọn phải tùy vào tình huống nói hoặc viết cụ thể.

Chẳng hạn, một câu như : "Tôi mua cuốn sách này ở Huế." tùy theo những hoàn cảnh nói hoặc viết cụ thể có thể được rút gọn những thành phần khác nhau như sau :

- Tôi. (Khi trả lời câu hỏi : Ai mua cuốn sách này ở Huế ?)
- Cuốn sách này. (Khi trả lời câu hỏi : Bạn mua gì ở Huế ?)
- Mua cuốn sách này. (Khi trả lời câu hỏi : Bạn làm gì ở Huế ?)
- Ở Huế. (Khi trả lời câu hỏi : Bạn mua cuốn sách này ở đâu ?)

Nguyên tắc chung : Rút gọn câu phải đảm bảo không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói.

Căn cứ vào tình huống nói hoặc viết cụ thể, bao giờ cũng có thể nhận biết và khôi phục lại được thành phần câu bị rút gọn.

3. Thao tác rút gọn câu có thể đem lại những câu vắn thành phần chính, chẳng hạn : vắn chủ ngữ, vắn vị ngữ, hoặc vắn cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. Tuy nhiên, về bản chất, cần phân biệt thao tác rút gọn câu với việc viết những câu sai (thường được gọi chung là câu què) do không nắm được những quy tắc viết câu thông thường.

4. Rút gọn câu có thể làm cho văn bản (ở dạng nói hoặc viết) trở nên cộc lốc, khiếm nhã. Vì vậy, khi thực hiện thao tác này cần phải tính đến tình huống giao tiếp cụ thể (nơi diễn ra giao tiếp, quan hệ về tuổi tác hoặc vị thế xã hội giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc,...) để tránh những tác dụng tiêu cực mà câu rút gọn có thể gây ra.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Phần Tiếng Việt trong *Ngữ văn 7* thiên về thực hành. Lí thuyết chỉ được trình bày một cách cô đọng ở Ghi nhớ, không yêu cầu GV mở rộng thêm. GV nên tập trung vào các câu hỏi gợi dẫn (để hình thành khái niệm) và các bài tập củng cố khái niệm, rèn luyện kĩ năng. Qua hệ thống các bài tập, GV sẽ giúp HS hiểu được thao tác rút gọn câu và tác dụng của nó.

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm rút gọn câu.

Bước 1: GV hướng dẫn HS tìm sự khác biệt giữa hai câu trong SGK.

Cách làm : HS đọc thầm câu hỏi trong SGK và trả lời câu hỏi. GV có thể gợi ý cụ thể hơn bằng hai câu hỏi sau :

- Tìm xem trong hai câu đã cho có từ ngữ nào khác nhau ? (→ Câu *b* có thêm từ *chúng ta*.)

- Từ *chúng ta* đóng vai trò gì trong câu ? (→ Làm chủ ngữ.)

Như vậy, hai câu trong SGK khác nhau ở chỗ :

Câu *a* vắng chủ ngữ.

Câu *b* có chủ ngữ.

Bước 2: Tìm những từ ngữ có thể làm chủ ngữ trong câu *a*.

Cách làm : HS đọc thầm câu hỏi và chuẩn bị bài vào giấy nháp hoặc vở. Sau đó, GV yêu cầu mỗi HS tìm một từ (ngữ) có thể làm chủ ngữ trong câu *a*. GV biểu dương những câu trả lời đúng và điều chỉnh những câu trả lời chưa đúng.

(→ Những từ ngữ có thể làm chủ ngữ trong câu *a* là : *chúng ta, người Việt Nam,...* Ví dụ : **Chúng ta** học ăn, học nói, học gói, học mở ; **Người Việt Nam** học ăn, học nói, học gói, học mở,... HS cũng có thể nêu những từ ngữ chỉ một người hay một nhóm người, ví dụ : *em, chúng em,...* Khi đó, GV hướng dẫn để các em suy nghĩ và trả lời câu hỏi : Tục ngữ có nói riêng về một ai không hay nó đúc rút những kinh nghiệm chung, đưa ra những lời khuyên chung ?)

Bước 3: Giải thích vì sao chủ ngữ trong câu *a* có thể được lược bỏ.

Cách làm : HS thảo luận theo từng nhóm. Sau đó, đại diện mỗi nhóm trả lời câu hỏi.

(→ Chủ ngữ trong câu *a* có thể được lược bỏ bởi đây là một câu tục ngữ đưa ra một lời khuyên cho mọi người hoặc nêu một nhận xét chung về đặc điểm của người Việt Nam ta.)

Bước 4: Tìm thành phần câu được lược bỏ và giải thích nguyên nhân lược bỏ thành phần câu đó.

Cách làm : GV chép bài lên bảng lớp (có thể là bảng phụ). HS làm bài vào giấy nháp hoặc vở. Sau đó, GV yêu cầu một số em chữa bài.

- Thêm những từ ngữ thích hợp vào các câu in đậm để chúng được đầy đủ nghĩa (một số HS chữa bài trên bảng, cả lớp làm vào vở) :

a) Hai ba người đuổi theo nó. **Rồi ba bốn người, sáu bảy người** đuổi theo nó.

b) – Bao giờ cậu đi Hà Nội ?

– **Ngày mai** mình đi Hà Nội.

– Dựa trên sự so sánh câu sau khi đã được thêm từ ngữ với câu ban đầu, GV hướng dẫn HS xác định những thành phần câu được lược bỏ : vị ngữ (*đuổi theo nó*) ở ví dụ a và cả chủ ngữ lẫn vị ngữ (*mình đi Hà Nội*) ở ví dụ b.

– GV hỏi HS : Tại sao có thể lược bỏ vị ngữ ở ví dụ a và cả chủ ngữ lẫn vị ngữ ở ví dụ b ? (→ Làm cho câu gọn hơn nhưng vẫn đảm bảo được lượng thông tin truyền đạt.)

Bước 5. Sơ kết về khái niệm rút gọn câu.

Dựa vào các ví dụ được nêu trong các bài tập trên đây, GV hướng dẫn HS rút ra những kết luận được nêu ở Ghi nhớ của phần I.

Hoạt động 2. Tìm hiểu cách dùng câu rút gọn.

Bước 1 : Nhận xét 1.

– Tìm các thành phần được lược bỏ trong những câu in đậm.

Cách làm : HS đọc thầm câu hỏi và chuẩn bị bài vào giấy nháp. GV có thể gợi ý : Tìm những từ ngữ có thể thêm vào các câu in đậm ; cho biết những từ ngữ ấy đóng vai trò gì trong câu.

(→ Các câu đều thiếu chủ ngữ.)

– Nhận xét về việc rút gọn câu.

Cách làm : HS thảo luận nhóm rồi cử đại diện trả lời câu hỏi : Có nên rút gọn như vậy không ? Vì sao ?

(→ Không nên rút gọn như vậy, vì rút gọn như vậy làm cho câu khó hiểu. Văn cảnh không cho phép khôi phục chủ ngữ một cách dễ dàng.)

Bước 2 : Nhận xét 2.

– Trước tiên, GV hướng dẫn HS đọc đối thoại giữa hai mẹ con, sau đó yêu cầu HS cho biết câu trả lời của người con có lẽ phép không.

– Nếu HS trả lời đúng (→ Câu trả lời của người con không được lễ phép.), GV yêu cầu HS thêm những từ ngữ thích hợp để câu trả lời được lễ phép (→ thêm *ạ, mẹ ạ,...*).

Bước 3 : Sơ kết về những điều lưu ý khi rút gọn câu.

Từ hai bài tập ở phần II, GV yêu cầu HS cho biết : Cần lưu ý điều gì khi rút gọn câu ?

(→ xem Ghi nhớ của phần II)

Hoạt động 3. Hệ thống hoá kiến thức.

GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc các phần Ghi nhớ trong SGK.

Hoạt động 4. Làm bài tập (trang 16 – 18, SGK).

Tuỳ theo lượng thời gian còn lại, GV hướng dẫn HS lần lượt làm các bài tập trong SGK. Trong số những bài tập đồng dạng, chỉ cần làm một bài trên lớp, các bài khác để HS làm thêm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Dưới đây, chúng tôi chỉ nêu gợi ý hướng giải bài tập ; còn về cách tổ chức HS hoạt động, GV có thể tham khảo những cách làm đã nêu trong phần III. Những cách làm ấy là :

– *Phát vấn.* Cách này thường được áp dụng đối với những bài tập là câu hỏi thuần tuý. Có mấy hình thức phát vấn như sau :

+ GV hỏi, HS trả lời.

+ HS hỏi lẫn nhau.

– *Làm việc độc lập* (Mỗi HS tự làm bài tập vào giấy nháp hoặc vở.). Cách này thường được áp dụng đối với những bài tập yêu cầu phân tích cấu tạo của từ, câu, đoạn văn,... hay tìm từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn,... HS có thể báo cáo kết quả làm việc độc lập bằng nhiều cách :

+ Báo cáo tại chỗ với GV.

+ Nộp giấy nháp hoặc vở.

+ Trình bày trên bảng lớp (trình bày một mình hoặc thi với một số HS khác).

– *Trao đổi nhóm.* Cách làm này có thể áp dụng khi giải những bài tập khó hoặc những câu hỏi khái quát, trừu tượng. Có một số hình thức báo cáo kết quả làm việc nhóm như sau :

+ Báo cáo tại chỗ với GV.

+ Một đại diện nhóm trả lời câu hỏi (hoặc chữa bài) trước lớp.

+ Một số đại diện hoặc thành viên của nhóm thi "tiếp sức" với nhau. Tùy theo kiểu bài tập, GV có thể chọn cách làm thích hợp.

Bài tập 1. Câu *b* là câu rút gọn chủ ngữ (Có thể khôi phục : **Chúng ta** ăn quả nhớ kẻ trồng cây ; Ăn quả, **chúng ta** nhớ kẻ trồng cây,...). Vì câu *b* là một câu tục ngữ nêu một quy tắc ứng xử chung cho mọi người nên có thể rút gọn chủ ngữ, làm cho câu trở nên gọn hơn.

Câu *c* cũng là câu rút gọn chủ ngữ (Có thể khôi phục : **Ai** nuôi lợn ăn cơm nằm, **ai** nuôi tằm ăn cơm đung,...). Lí do tương tự như câu *b*.

Bài tập 2. Trong thơ, ca dao thường gặp nhiều câu rút gọn bởi thơ, ca dao chuộng lối diễn đạt súc tích, và lại số chữ trong một dòng rất hạn chế.

Bài tập 3. Cậu bé và người khách trong câu chuyện hiểu lầm nhau bởi vì cậu bé, khi trả lời người khách, đã dùng ba câu rút gọn khiến người khách hiểu sai ý nghĩa.

– Mất rồi. (Ý cậu bé : **Tờ giấy** mất rồi ; người khách hiểu : **Bố cậu bé** mất rồi.)

– Thưa... tối hôm qua. (Ý cậu bé : **Tờ giấy** mất tối hôm qua ; người khách hiểu : **Bố cậu bé** mất tối hôm qua.)

– Cháy ạ. (Ý cậu bé : **Tờ giấy** mất vì cháy ; người khách hiểu : **Bố cậu bé** mất vì cháy.)

Qua câu chuyện này, cần rút ra bài học : Phải cẩn thận khi dùng câu rút gọn, vì dùng câu rút gọn không đúng có thể gây hiểu lầm.

Bài tập 4. Trong câu chuyện, việc dùng các câu rút gọn của anh chàng phàm ăn đều có tác dụng gây cười và phê phán, vì rút gọn đến mức không hiểu được và rất thô lỗ.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UB KHXH Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.

2. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) – Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

3. Bùi Minh Toán – Lê A – Đỗ Việt Hùng, *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.